

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN TÂY

Số: 73 /TTr-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn Tây, ngày 12 tháng 11 năm 2015

TỜ TRÌNH

V/v xin thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và cho Công ty Cổ phần 30-4 Quảng Ngãi thuê đất để xây dựng dự án Thủy điện Sơn Trà 1

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 674/QĐ-BCT ngày 23/01/2015 của Bộ Công thương về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch dự án thủy điện nhỏ tỉnh Quảng Ngãi, trong đó có dự án thủy điện Sơn Trà 1;

Căn cứ Công văn số 2850/UBND - NNTN ngày 16/6/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc bổ sung công trình và danh mục các công trình phải thu hồi đất và chuyển mục đích đất lúa, đất rừng phòng hộ tỉnh Quảng Ngãi năm 2015;

Căn cứ Thông báo số 237/TB-UBND ngày 24/8/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Thông báo kết luận của đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi tại cuộc họp xem xét giải quyết một số vướng mắc trong việc triển khai thực hiện dự án thủy điện Sơn Trà 1;

Căn cứ 08 tờ (từ tờ 01 đến tờ 08) bản đồ trích đo địa chính khu đất do Công ty TNHH thương mại, dịch vụ Hưng An đo vẽ và được Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ngãi thẩm định ngày 13/10/2015;

Xét đơn xin thuê đất ngày 15/10/2015 của Công ty Cổ phần 30-4 Quảng Ngãi, UBND xã Sơn Lập tại Tờ trình số 57/TTr-UBND ngày 13/10/2015 và Tờ trình số 124/TTr-TNMT ngày 12/11/2015 về việc xin thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và cho Công ty cổ phần 30-4 Quảng Ngãi thuê đất để xây dựng dự án thủy điện Sơn Trà 1.

Công ty cổ phần 30-4 Quảng Ngãi đã thực hiện xong việc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân nằm trong phạm vi giải phóng mặt của dự án và đã thanh toán xong tiền bồi thường, hỗ trợ cho các hộ gia đình, cá nhân đúng theo quy định;

Nhằm tạo điều kiện cho Công ty Cổ phần 30-4 Quảng Ngãi thực hiện các bước tiếp theo của dự án. UBND huyện Sơn Tây đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định trình UBND tỉnh Quảng Ngãi quyết định thu hồi đất, chuyển

mục đích sử dụng đất và cho Công ty Cổ phần 30-4 Quảng Ngãi thuê đất để xây dựng dự án Thủy điện Sơn Trà 1, cụ thể:

- Diện tích: 261.872,1 m² (Hai trăm sáu mươi một ngàn tám trăm bảy mươi hai phẩy một mét vuông).

- Địa điểm, vị trí: Xã Sơn Lập, huyện Sơn Tây thuộc 08 tờ bản đồ trích đo địa chính khu đất do Công ty TNHH thương mại, dịch vụ Hưng An đo vẽ và được Sở Tài nguyên và Môi trường Quảng Ngãi thẩm định ngày 13/10/2015.

- Nhóm đất: Đất nông nghiệp, đất phi nông nghiệp và đất chưa sử dụng.

Trong đó:

1. Trình UBND tỉnh thu hồi đất của tổ chức và UBND xã Sơn Lập đang quản lý: 180.677,7 m².

- Diện tích đất do Tổ chức quản lý: 21.824,5 m²

- Diện tích đất do UBND xã Sơn Lập quản lý: 158.853,2 m²

2. Trình UBND tỉnh Quảng Ngãi chuyển mục đích sử dụng đất và cho Công ty Cổ phần 30-4 Quảng Ngãi thuê đất để xây dựng dự án Thủy điện Sơn Trà 1: 261.872,1 m² (Hai trăm sáu mươi một ngàn tám trăm bảy mươi hai phẩy một mét vuông).

- Diện tích đất do Tổ chức quản lý: 21.824,5 m²

- Diện tích đất do UBND xã Sơn Lập quản lý: 158.853,2 m²

- Diện tích đất do Công ty cổ phần 30-4 Quảng Ngãi nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của hộ gia đình, cá nhân: 81.194,1 m²

(Có bảng tổng hợp diện tích kèm theo)

UBND huyện Sơn Tây kính đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./. 

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở TN&MT;
- CT, PCT UBND huyện;
- Phòng TN&MT;
- UBND xã Sơn Lập;
- Công ty 30-4 Quảng Ngãi;
- CPVP, TH;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đinh Quang Ven

BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH

Công trình: Thủy điện Sơn Trà 1 -

Địa điểm: xã Sơn Lập, huyện Sơn Tây, tỉnh Quảng Ngãi

(Kèm theo Tờ trình số 73 /Tr-UBND ngày 12 /11/2015 của UBND huyện)

Tờ 1 ÷ 8; DVT:m²

TT	Loại đất	Kí hiệu	Bản đồ trích đo địa chính khu đất tỷ lệ 1:1000					Tổng Quy hoạch	Ghi chú
			Đo vẽ	Q. hoạch Lồng hồ	QH Tuyến đường TC-VH	Khu Áp lực	QH khu nhà ban A		
I	Đất Nông Nghiệp	NNP	160.689,5	52.479,5	30.253,6	8.751,8	11.534,0	103.018,9	
1	Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	11.882,6	10.806,5	459,1	0,0	0,0	11.265,6	
2	Đất bằng trồng cây hàng năm khác	BHK	8.088,0	8.088,0	0,0	0,0	0,0	8.088,0	
3	Đất trồng rừng sản xuất	RSX	83.315,0	28.294,7	19.430,7	0,0	0,0	47.725,4	
4	Đất trồng cây lâu năm	CLN	31.117,2	254,6	2.326,8	0,0	11.534,0	14.115,4	
5	Đất trồng rừng phòng hộ	RPH	26.286,7	5.035,7	8.037,0	8.751,8	0,0	21.824,5	
II	Đất Phi Nông Nghiệp	PNN	116.330,2	95.267,9	1.025,5	2.699,3	0,0	98.992,7	
1	Đất thủy lợi	DTL	29,5	0,0	5,0	0,0	0,0	5,0	
2	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	112.926,6	95.267,9	1.020,5	2.699,3	0,0	98.987,7	
III	Đất Chưa Sử Dụng	CSD	90.380,0	59.859,8	0,7	0,0	0,0	59.860,5	
1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	14.064,6	13.182,1	0,0	0,0	0,0	13.182,1	
2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	76.315,4	46.677,7	0,7	0,0	0,0	46.678,4	
Tổng cộng (I+II+III)			367.399,7	207.607,2	31.279,8	11.451,1	11.534,0	261.872,1	